



**CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NIÊN ĐỘ 2007**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Số : 10.07.557/AISC-DN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN**

**AISC**

**ACCOMPANY WITH BUSINESS**

# MỤC LỤC

---o0o---

---

	Trang
1- Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	1 - 2
2- Báo Cáo Kiểm Toán	3
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 5
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	6
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	7
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	8 - 15

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2007

---

Hội Đồng Quản Trị Công Ty cổ phần chế tạo máy Dzĩ An trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho thời kỳ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### 1. Các hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An : Lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các loại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác. Thiết kế sản xuất và lắp ráp mới phương tiện cơ giới đường bộ. Thiết kế cải tạo và thi công cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ .

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000016 ngày 19 tháng 01 năm 2001, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần tư nhân.

### 2. Kết quả hoạt động

Lợi nhuận trước thuế năm 2007: **7.474.209.470 VND**

### 3. Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty:

Ông Đặng Đình Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Giám Đốc.
Ông Nguyễn Đức Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Võ Anh Thụy	Ủy viên HĐQT

### 4. Các thông tin cơ bản khác

#### 4.1 Tài sản lưu động

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

#### 4.2 Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm

Hội Đồng Quản Trị nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty. .

#### 4.3 Thế chấp tài sản và các khoản nợ ngoài dự kiến sau khi kết thúc năm tài chính

Vào ngày lập báo cáo này :

Công ty đã thế chấp tài sản có giá trị là 11,894 tỷ đồng ( bao gồm TSCĐ và hàng hóa ) để đảm bảo cho hạn mức tín dụng vay tại Ngân Hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương 22 tỷ đồng.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2007

---

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

#### 4.4 Các nghiệp vụ trọng yếu và bất thường

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, các hoạt động của Công ty trong năm tài chính được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh trong khoảng thời gian từ cuối năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

#### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học ( AISC ) được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

#### 6. Tuyên bố

Chúng tôi xin tuyên bố rằng, theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy Dzĩ An, các Báo cáo tài chính được lập đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**



*Dặng Đình Hưng*



## CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 9304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số 07.557/AISC-DN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2007

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN

**Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị & Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần**

#### **Chế Tạo Máy DZĩ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007 của quý Công ty từ trang 04 đến trang 15, các báo cáo này được soạn thảo phù hợp với hệ thống chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán, để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt nam chấp nhận.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám đốc của quý Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, phương pháp tính và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, các báo cáo tài chính được đề cập đến, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2007 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV



**Nguyễn Hữu Trí**

Số chứng chỉ KTV: 0476/KTV

Trang 3

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.300.437.635</b>	<b>29.325.095.303</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.489.077.756	1.026.831.766
1- Tiền	111	V.1	5.489.077.756	1.026.831.766
2- Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		19.679.990.787	9.417.472.474
1- Phải thu của khách hàng	131		18.285.788.995	8.839.523.411
2- Trả trước cho người bán	132		1.382.406.463	49.427.745
5- Các khoản phải thu khác	135	V.3	11.795.329	528.521.318
IV. Hàng tồn kho	140		29.328.742.687	15.840.735.577
1- Hàng tồn kho	141	V. 4	29.328.742.687	15.840.735.577
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.802.626.405	3.040.055.486
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151		206.597.423	71.244.263
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		200.019.063	210.698.162
3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		320.224.906	
5- Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	7.075.785.013	2.758.113.061
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.185.604.138</b>	<b>4.063.314.165</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		4.181.726.470	3.981.411.833
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.985.473.766	2.753.816.257
- Nguyên giá	222		4.851.874.278	4.366.561.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.866.400.512)	(1.612.745.585)
3- Tài sản cố định vô hình	227		1.196.252.704	1.227.595.576
- Nguyên giá	228		1.391.038.227	1.391.038.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.785.523)	(163.442.651)
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.877.668	81.902.332
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.877.668	81.902.332
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.486.041.773</b>	<b>33.388.409.468</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.393.065.974</b>	<b>12.015.876.020</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.341.751.359</b>	<b>12.015.876.020</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	12.670.138.324	3.657.586.364
2- Phải trả cho người bán	312		5.058.164.457	3.097.448.772
3- Người mua trả tiền trước	313		5.743.302.169	4.330.659.421
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	854.308.269	458.699.128
5- Phải trả công nhân viên	315		177.665.000	
6- Chi phí phải trả	316			6.497.191
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	3.838.173.140	464.985.144
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.314.615</b>	
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		51.314.615	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.092.975.799</b>	<b>21.372.533.448</b>
<b>I. Nguồn vốn quỹ</b>	<b>410</b>		<b>37.743.168.442</b>	<b>21.274.004.121</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	25.000.000.000	9.218.000.000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	6.889.760.000	1.339.800.000
3- Cổ phiếu ngân quỹ	413		(386.750.000)	
6- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7- Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	674.933.193	5.171.342.998
8- Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	609.066.359	2.158.434.545
8- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9- Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.956.158.890	3.386.426.578
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>349.807.357</b>	<b>98.529.327</b>
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		349.807.357	98.529.327
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.486.041.773</b>	<b>33.388.409.468</b>

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng


**Bùi Thị Phước Hạnh****Dương Đình Hưng**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 14 là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 5

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	78.878.703.883	25.691.375.377
2- Các khoản giảm trừ	03		421.146.242	
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	78.457.557.641	25.691.375.377
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.28	55.015.719.589	20.304.200.983
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.441.838.052	5.387.174.394
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	118.825.177	95.769.518
7- Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	1.275.861.233	346.544.250
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		1.275.861.233	299.645.736
8- Chi phí bán hàng	24		12.737.401.647	2.080.172.887
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.520.925.665	1.651.925.364
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.026.474.684	1.404.301.411
11- Thu nhập khác	31		885.941.377	419.928.289
12- Chi phí khác	32		438.206.591	261.489.237
13- Lợi nhuận khác	40		447.734.786	158.439.052
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.474.209.470	1.562.740.463
15- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	607.386.762	396.480.791
16- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17- Lợi nhuận sau thuế	60		6.866.822.708	1.166.259.672
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.31	3.951	1.265

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng



**Bùi Thị Phước Hạnh**



**Dặng Đình Hưng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		74.433.581.336	30.595.671.564
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(53.278.335.865)	(15.125.216.085)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.771.967.000)	(1.850.296.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.275.861.232)	(299.645.736)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(318.750.000)
6. Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	06		12.653.311.059	3.175.460.349
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.053.811.847)	(11.825.587.457)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(16.293.083.549)</b>	<b>4.351.636.635</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	6	(649.121.341)	(59.249.030)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		252.058.920	280.952.381
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			40.112.623
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(397.062.421)</b>	<b>261.815.974</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận các chủ sở hữu góp vốn	31		12.143.400.000	
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		1.407.000.000	
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		29.450.398.988	2.909.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.437.847.028)	(6.683.113.162)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho các chủ sở hữu	36	21	(1.410.560.000)	(921.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.152.391.960</b>	<b>(4.695.913.162)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>4.462.245.990</b>	<b>(82.460.553)</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.026.831.766</b>	<b>1.109.292.319</b>
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>5.489.077.756</b>	<b>1.026.831.766</b>

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế Toán Trưởng



Bùi Chí Phước Hạnh

Giám Đốc



Dặng Đình Hưng

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy DZĪ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000016 ngày 19 tháng 01 năm 2001, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

1. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.
3. Ngành nghề kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp, chế tạo, tiêu thụ và cung cấp dịch vụ cho các loại sản phẩm máy phát điện, máy động lực và các sản phẩm cơ điện khác. Thiết kế sản xuất và lắp ráp mới phương tiện cơ giới đường bộ. Thiết kế cải tạo và thi công cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

**III. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:  
Công Ty tuân thủ chấp hành các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lí có liên quan.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:**

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không thực hiện.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Công Ty không trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm áp dụng theo thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là: 1% lợi nhuận sau thuế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được xác định căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giá trị của các khoản vốn thực tế đã được ghi nhận trên sổ kế toán của Công Ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho người mua đồng thời công ty có được sự đảm bảo nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2007	31/12/2006
- Tiền mặt	14.550.675	162.824.852
- Tiền gửi ngân hàng	5.474.527.081	946.467.467
<b>Cộng</b>	<b>5.489.077.756</b>	<b>1.109.292.319</b>
<b>Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Phải thu khách hàng	18.285.788.995	8.737.643.602
- Trả trước cho người bán	1.382.406.463	361.679.615
<b>Cộng</b>	<b>19.668.195.458</b>	<b>9.099.323.217</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Phải thu người lao động	11.795.329	528.521.318
a) Phải thu Dương Thị Phương Thảo		520.780.095
b) Phải thu Lê Thanh Trúc	7.741.223	7.741.223
c) AVR 440	4.054.106	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

- Phải thu khác		119.236.138
a) Phải thu công ty Thủy - Khí - Điện R.T		19.236.138
b) Phải thu Công ty TNHH Sáng Ban Mai		100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.795.329</b>	<b>119.236.138</b>

<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Tạm ứng	1.169.553.000	463.243.400
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.906.232.013	2.294.869.661
<b>Cộng</b>	<b>7.075.785.013</b>	<b>2.758.113.061</b>

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	10.541.270.273	5.136.253.541
- Công cụ dụng cụ	12.685.253	13.368.139
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.308.890.593	2.723.524.849
- Thành phẩm	5.833.298.431	2.368.712.091
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán	9.632.598.137	5.598.876.957
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>29.328.742.687</b>	<b>15.840.735.577</b>

<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	200.019.063	102.135.498
<b>Cộng</b>	<b>200.019.063</b>	<b>102.135.498</b>

**8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
1. Số dư đầu kì	2.163.224.919	1.364.253.341	774.814.518	64.269.064	4.366.561.842
2. Mua mới trong kì		279.034.843	509.012.035	80.554.358	868.601.236
2b. XD CB hoàn thành					-
3. Thanh lý, nhượng bán			383.288.800		383.288.800
4. Số dư cuối kì	2.163.224.919	1.643.288.184	900.537.753	144.823.422	4.851.874.278
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu kì	333.336.555	795.451.276	422.990.278	60.967.476	1.612.745.585
2. Khấu hao trong kì	130.590.712	215.243.961	138.909.132	61.701.202	546.445.007
3. Thanh lý, nhượng bán			292.790.080		292.790.080
4. Số dư cuối kì	463.927.267	1.010.695.237	269.109.330	122.668.678	1.866.400.512

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZÍ AN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

**Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

1. Tại ngày đầu kì	1.829.888.364	568.802.065	351.824.240	3.301.588	2.753.816.257
2. Tại ngày cuối kì	1.699.297.652	632.592.947	631.428.423	22.154.744	2.985.473.766

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 392.790.080 đồng.

\* Tổng giá trị tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố cho khoản vay của Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Khu CN Sóng Thần theo ước tính của bên cho vay là: 2,821 tỷ đồng.

**8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
1. Số dư đầu năm	1.391.038.227	1.391.038.227
2. Số dư cuối năm	1.391.038.227	1.391.038.227
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	163.442.651	163.442.651
2. Khấu hao trong năm	31.342.872	31.342.872
3. Số dư cuối năm	194.785.523	194.785.523
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1. Tại ngày đầu năm	1.227.595.576	1.227.595.576
2. Tại ngày cuối năm	1.196.252.704	1.196.252.704
<b>14. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Vật dụng văn phòng, phần mềm kế toán	3.877.668	81.902.332
<b>Cộng</b>	<b>3.877.668</b>	<b>81.902.332</b>
<b>15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Ngân hàng Công Thương VN - Chi nhánh KCN Sóng Thần	11.894.355.440	3.007.586.364
- Ngân hàng Ngoại Thương VN - Chi nhánh KCX Tân Thuận	775.782.884	650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.670.138.324</b>	<b>3.657.586.364</b>
<b>Phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
- Phải trả người bán	5.058.164.457	3.097.448.772
- Người mua trả tiền trước	5.743.302.169	4.330.659.421
<b>Cộng</b>	<b>10.801.466.626</b>	<b>7.428.108.193</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZÍ AN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Niên độ 2007

Đơn vị tính: VND



16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2007	31/12/2006
- Thuế giá trị gia tăng	305.542.880	418.518.092
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		50.476.285
- Thuế xuất nhập khẩu	376.517.839	218.990.265
- Thuế thu nhập cá nhân	172.247.550	
- Các loại thuế khác		64.717.486
<b>Cộng</b>	<b>854.308.269</b>	<b>458.699.128</b>

(\*) Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2007	31/12/2006
- Bảo hiểm xã hội - Bảo hiểm y tế	26.970.740	50.526.220
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.811.202.400	414.458.924
a) Phải trả công ty TNHH Sài Gòn Ban Mai ( Tiền ký quỹ xe Ford )		212.617.791
b) Thu hộ BHXH Bình Dương tiền ốm đau		774.400
c) Thường vượt kế hoạch doanh thu 2007	200.446.000	
d) Phải trả công ty XD Khu Đô Thị và KCN 9		29.490.000
e) Phí sửa xe	5.600.000	
f) Phải trả cho các cá nhân ( tiền hoa hồng bán hàng )	3.605.156.400	171.576.733
<b>Cộng</b>	<b>3.838.173.140</b>	<b>464.985.144</b>

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn CP & CP quỹ	Quỹ ĐTPT & quỹ DPTC	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	9.218.000.000	1.339.800.000	7.098.985.697	3.490.796.210	21.147.581.907
- Lợi nhuận tăng năm trước				1.166.259.672	1.166.259.672
- Chia quỹ trong năm 2006			230.791.846	(311.568.992)	(80.777.146)
- Trích khác				(37.260.312)	(37.260.312)
- Chia cổ tức năm 2006				(921.800.000)	(921.800.000)
Số dư cuối năm trước	9.218.000.000	1.339.800.000	7.329.777.543	3.386.426.578	21.274.004.121

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZÍ AN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

Số dư đầu kì này	9.218.000.000	1.339.800.000	7.329.777.543	3.386.426.578	21.274.004.121
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				6.866.822.708	6.866.822.708
- Thuế TNDN được miễn giảm từ 2004 - 2006				959.959.803	959.959.803
- Trích lập các quỹ năm 2007			1.692.737.974	(2.319.680.582)	(626.942.608)
- Trích bổ sung vốn			(7.738.515.965)		(7.738.515.965)
- Thặng dư vốn CP do phát hành thêm CP		5.529.400.000			5.529.400.000
- Chênh lệch giữa giá mua và thời điểm thường CP		(46.640.000)			(46.640.000)
- Mua lại CP các cô đồng		(1.339.800.000)		(67.200.000)	(1.407.000.000)
- Tăng vốn đầu tư của CS	15.782.000.000			(1.479.484.035)	14.302.515.965
- Chia cổ tức bằng CP quỹ		1.020.250.000		(973.610.000)	46.640.000
- Trích khác				(6.515.582)	(6.515.582)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(1.410.560.000)	(1.410.560.000)
Số dư cuối kì này	25.000.000.000	6.503.010.000	1.283.999.552	4.956.158.890	37.743.168.442

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Niên độ 2007		Niên độ 2006	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cơ bản thường
- Vốn góp của cổ đồng	25.000.000.000	25.000.000.000	9.218.000.000	9.218.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>9.218.000.000</b>	<b>9.218.000.000</b>

<b>c- Các giao dịch vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	9.218.000.000	9.218.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	15.782.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối kỳ	25.000.000.000	9.218.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.410.560.000	921.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĪ AN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

e-	<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	Số lượng cổ phiếu đã được phép phát hành	2.500.000	921.800
	Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.500.000	921.800
	+ Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	921.800
	Số lượng cổ phiếu được mua lại	22.100	
	+ Cổ phiếu phổ thông	22.100	
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.477.900	921.800
	+ Cổ phiếu phổ thông	2.477.900	921.800
	* Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh</b>			
25.	<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	- Doanh thu bán hàng	78.457.557.641	25.691.375.377
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>78.457.557.641</b>	<b>25.691.375.377</b>
28.	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	- Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	55.015.719.589	20.304.200.983
	<b>Cộng</b>	<b>55.015.719.589</b>	<b>20.304.200.983</b>
29.	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	- Lãi tiền gửi	118.825.177	53.252.174
	- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán		42.517.344
	<b>Cộng</b>	<b>118.825.177</b>	<b>95.769.518</b>
30.	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	- Lãi vay ngân hàng	1.275.861.233	299.645.736
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán		46.898.514
	<b>Cộng</b>	<b>1.275.861.233</b>	<b>346.544.250</b>
31.	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
	- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.474.209.470	1.562.740.463
	- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế.	624.280.695	
	Chi phí khác vượt 10% tổng CP hợp lý, hợp lệ	624.280.695	
	- Tổng thu nhập chịu thuế (lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất)	8.098.490.165	1.562.740.463
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (15%)	607.386.762	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7,5%)	607.386.762	396.480.791
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.866.822.708	1.166.259.672



Ghi chú: Theo Công văn số 1830/CT-TT&HT ngày 23/7/2007 của Cục thuế tỉnh Bình dương, Công ty được miễn giảm 50% thuế TNDN, cụ thể từ năm 2004 đến năm 2009 thuế suất áp dụng là 7,5%.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2007	Năm 2006
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( Trừ thuế TNDN 15%)	6.259.435.946	1.166.259.672
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.259.435.946	1.166.259.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.584.104	921.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.951	1.265

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2007	Năm 2006
- Chi phí nguyên vật liệu	60.177.573.505	19.247.242.569
- Chi phí nhân công	4.440.257.108	2.303.815.994
- Chi phí khấu hao	577.787.879	454.698.300
- Chi phí khác bằng tiền	6.689.244.729	2.030.542.371
<b>Cộng</b>	<b>71.884.863.221</b>	<b>24.036.299.234</b>

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

*Bùi Chí Phước Hạnh*

**Bùi Chí Phước Hạnh**

Giám đốc



**Dặng Đình Hưng**

*Please contact us by the following addresses:*

***In Ho Chi Minh City***

***\* Head office:***

*Address:* 142 Nguyen Thi Minh Khai street - Dist.3 - HCMC  
Tel: (84.8) 9.305.163 (10 lines) - Fax: (84.8) 9.304.281  
Email: aisc@hcm.vnn.vn - Website: www.aisc.com.vn

***In Ha Noi City***

***\* Branch:***

*Address:* 24.2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building -  
Pham Hung St, Cau Giay Dist - Ha Noi  
Tel: (04) 782 0045 /46 /47 - Fax: (04) 782 0048  
Email: aishn@hn.vnn.vn

***In Da Nang City***

***\* Branch:***

*Address:* 92A Quang Trung - Da Nang City  
Tel: (0511) 895 619 - Fax: (0511) 895 620  
Email: aisckt@dng.vnn.vn

***In Can Tho City***

***\* Representative Office:***

*Address:* 64 Nam Ky Khoi Nghia - Can Tho City  
Tel: (071) 813 004 - Fax: (071) 828 765

***In Hai Phong City***

***\* Representative Office:***

*Address:* 21 Luong Khanh Thien St, Ngo Quyen Dist - Hai Phong  
Tel: (031) 3920 797 - Fax: (031) 3920 973